

Số: /QĐ-BNN-TCLN

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng

Dự án thành phần “Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ phát triển giống trồng rừng tại các tỉnh vùng Tây Bắc” thuộc Dự án “Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển giống cây lâm nghiệp”

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2022/QH15; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025; văn bản số 6094/BNN-KH ngày 24/9/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc thông báo kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 3079/QĐ-BNN-KH ngày 15/7/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án “Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển giống cây lâm nghiệp” và Quyết định số 3194/QĐ-BNN-KH ngày 23/8/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án “Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển giống cây lâm nghiệp”;

Xét đề nghị của Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam tại Tờ trình 449/TTr-KHLN ngày 24/8/2022 trình thẩm định, phê duyệt dự án thành phần “Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ phát triển giống trồng rừng tại các

tỉnh vùng Tây Bắc” thuộc dự án “Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển giống cây lâm nghiệp” và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Khoa học lâm nghiệp Tây Bắc tại Tờ trình số 135/TTr-TTTB ngày 16/12/2022 trình thẩm định và phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án thành phần “Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ phát triển giống trồng rừng tại các tỉnh vùng Tây Bắc”;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp (tại Báo cáo kết quả thẩm định số 29/ BC-TCLN-PTR ngày 06/01/2022), và Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính, Khoa học Công nghệ và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án thành phần (DATP) “Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ phát triển giống trồng rừng tại các tỉnh vùng Tây Bắc” với các nội dung chính như sau:

1. Tên dự án: Dự án thành phần “Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ phát triển giống trồng rừng tại các tỉnh vùng Tây Bắc” thuộc Dự án “Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển giống cây lâm nghiệp”.

2. Loại, nhóm dự án, cấp công trình:

- Loại dự án: Dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ Nông nghiệp và PTNT
- Nhóm dự án: Nhóm C.
- Cấp công trình: Công trình Cấp III.

3. Người quyết định đầu tư: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT.

4. Đơn vị được giao chuẩn bị dự án: Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam.

5. Chủ đầu tư DATP (từ giai đoạn thực hiện dự án đến kết thúc dự án): Trung tâm Khoa học Lâm nghiệp Tây Bắc.

6. Tổ chức tư vấn khảo sát xây dựng, lập báo cáo NCKT: Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư xây dựng và Phát triển nông thôn.

Chủ nhiệm dự án: Kỹ sư Nguyễn Anh Tuấn.

7. Mục tiêu đầu tư: Nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu, sản xuất, chuyển giao công nghệ sản xuất giống cây lâm nghiệp cho Trung tâm Khoa học Lâm nghiệp Tây Bắc.

8. Địa điểm xây dựng

- Tại trụ sở chính của Trung tâm: Số 110 đường Lê Duẩn, tổ 1, phường Quyết Tâm, TP.Sơn La, tỉnh Sơn La.

- Tại Trạm thực nghiệm lâm sinh Chiềng Bôm: Xã Chiềng Bôm, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

- Các tỉnh vùng Tây Bắc.

9. Quy mô, nội dung đầu tư và các giải pháp thiết kế cơ sở chủ yếu

9.1. Quy mô, nội dung đầu tư:

a) Phần xây dựng cơ bản lâm sinh: Trồng mới 24 ha rừng giống hữu tính (các loài Tô hạp Điện Biên, Thông mã vĩ, Giỏi xanh, Lát hoa, Giỏi găng, Cà ổi lá đỏ), 06 ha vườn giống hữu tính (các loài Tô hạp Điện Biên, Thông mã vĩ) tại Trạm Chiềng Bôm và một số tỉnh vùng Tây Bắc.

b) Xây dựng cơ sở hạ tầng

- Tại trụ sở Trung tâm (thành phố Sơn La): Sửa chữa, cải tạo nhà nghiên cứu; nâng cấp, cải tạo vườn ươm; nâng cấp, cải tạo nhà để xe, sân đường và xây dựng một số công trình phụ trợ khác.

- Tại Trạm thực nghiệm lâm sinh Chiềng Bôm (huyện Thuận Châu, Sơn La): Xây dựng nhà chế biến, bảo quản hạt giống, sân phơi hạt giống; cải tạo vườn ươm.

c) Thiết bị: Mua sắm một số trang thiết bị phục vụ nghiên cứu, sản xuất giống và một số trang thiết bị văn phòng.

9.2. Các giải pháp thiết kế cơ sở chủ yếu

9.2.1. Xây dựng cơ bản lâm sinh

- Trồng mới 24 ha rừng giống hữu tính (các loài Tô hạp Điện Biên, Thông mã vĩ, Giỏi xanh, Lát hoa, Giỏi găng, Cà ổi lá đỏ), 06 ha vườn giống hữu tính (các loài Tô hạp Điện Biên, Thông mã vĩ) tại Trạm Chiềng Bôm và một số tỉnh vùng Tây Bắc.

+ Trồng mới 24 ha rừng giống hữu tính:

- * Khối lượng: 5 ha Thông mã vĩ, 6 ha Tô hạp điện biên, 2 ha Giỏi xanh, 5 ha Giỏi găng, 4 ha Lát hoa, 2 ha Cà ổi lá đỏ;

- * Địa điểm thực hiện: Sơn La, Điện Biên và một số tỉnh vùng Tây Bắc.

+ Trồng mới 6 ha vườn giống hữu tính:

- * Khối lượng: 3 ha Thông mã vĩ, 3 ha Tô hạp điện biên;

- * Địa điểm thực hiện: Sơn La, Điện Biên và một số tỉnh vùng Tây Bắc

9.2.2. Xây dựng cơ sở hạ tầng

a. Tại trụ sở chính của Trung tâm:

a-1. Sửa chữa, cải tạo nhà nghiên cứu:

- Bóc toàn bộ lớp vữa trát trần, tường trong và ngoài nhà; bóc lớp vữa trát cột hành lang; bóc toàn bộ lớp gạch lát nền; tháo dỡ toàn bộ các cửa đi và cửa sổ và khung cửa gỗ; tháo dỡ toàn bộ hệ thống điện, tôn lợp mái, các đường ống thoát nước mái, các tường thu hồi; thiết bị vệ sinh.

- Trát lại toàn bộ trần, tường trong và ngoài nhà, cột hành lang trát vữa XM75#, dày 20mm; nền, sàn trong các phòng và hành lang lát gạch Granit 600x600mm, lót vữa XM75#, dày 20mm; thay cửa đi và cửa sổ bằng cửa nhôm hệ profile và khung cửa bằng nhôm, kính an toàn dày 6.38mm; các cửa sổ có hoa sắt bảo vệ (thép vuông đặc 14x14mm);

- Cải tạo mái: Trên bản mái xây tường thu hồi dày 110mm, bổ trụ 220x220mm, gác xà gồ thép dẹt C100x50x20x2.0mm, trên lợp tôn dày 0.45mm màu, lợp tôn chìa ra ngoài tường 50cm, cạo sạch rỉ các xà gồ mái sau đó sơn 3 nước chống rỉ; làm mới hệ thống chống sét;

- Khu cầu thang: Làm vệ sinh các bậc cầu thang, cạo sạch rỉ hoa sắt lan can sau đó sơn 1 nước chống rỉ, 2 nước sơn màu.

- Cải tạo bậc tam cấp lên xuống: Bóc toàn bộ lớp đá tự nhiên và vữa lót của bậc lên xuống sau đó lát mặt bậc và cổ bậc bằng đá granit nhân tạo dày 20mm, lót vữa XM75#;

- Khu vệ sinh 01 và 02: Nền, sàn lát gạch chống trơn 300x300mm, xung quanh tường ốp gạch Ceramic 300x600mm, cao 2.40m; làm trần thạch cao chịu nước khung xương chìm, thay thế toàn bộ cửa đi và cửa sổ bằng cửa nhôm hệ profile, kính an toàn dày 6.38mm và dán giấy mờ; thay thế toàn bộ thiết bị vệ sinh, các đường ống cấp, thoát nước; bổ sung các vách ngăn khu vệ sinh bằng tấm compact chịu hóa chất và nước, dày 12mm;

- Làm mới toàn bộ hệ thống điện (bao gồm dây dẫn, thiết bị điện);

- Trong nhà lăn sơn nước 3 lớp màu, ngoài nhà lăn sơn nước chống thấm mốc 3 lớp.

a-2. Cải tạo vườn ươm: Diện tích XD: 710m²

- Giải pháp thiết kế: Xây bờ be cao 30cm xung quanh. Cắm cọc rào thép B40 xung quanh; đổ đất san nền cao lên 30cm; bổ sung khung sắt và kéo rải lưới phân chia có giàn; bổ sung 01 cổng vườn ươm; đổ bê tông đường chính 5m x 40m.

- Cấu tạo luống mềm: Đáy luống đất nền không đầm nén, trên rải đá dăm không đầm dày 10cm. Các bộ phận khác, cấu tạo tương tự như luống cứng nêu trên;

- Cấu tạo sân đường: BT đá 2x4 mác 150 dày 10cm, dưới rải 01 lớp vải xác rắn trên nền đất đầm nén K=0.9.

- Tưới nước theo hình thức phun sương với hệ thống đồng bộ: Pet phun sương, đường ống dẫn tưới PPR D20, máy bơm (Công suất 1,5Kw), lọc nước, pha vi chất cùng các phụ kiện khác đi kèm;

a-3. Nâng cấp, cải tạo sân đường, thoát nước mưa: diện tích 966m²

- Nền sân được gia cố, rửa sạch và rải nhựa áp phan, độ dày 10cm.

- Xây lại hệ thống rãnh thoát nước bằng gạch không nung. Đáy rãnh BT đá 2x4 mác 150 dày 10cm, trên đây tấm đan BTCT đá 1x2 mác 200 dày 7cm.

a-4. Cải tạo nhà để xe:

- Cải tạo nhà để xe trên nền nhà xe cũ, nhà 1 tầng, có $S_{xd} = 119 \text{ m}^2$, kích thước mặt bằng 19,8m x 6,0m; Chiều cao tính tới đỉnh cột $h = 2,7\text{m}$;

- Kết cấu móng cột, dầm móng, cột, dầm BTCT mác 200; Tường bao xung quanh xây gạch không nung dày 220mm cao $h = 1,2\text{m}$ vữa xây XM mác 75, phía trên bao che tôn dày 0.42mm; mái lợp tôn PU đúc liền xốp cách nhiệt chống nóng dày 0.45mm, vì kèo thép dạng vòm làm bằng thép mạ kẽm, xà gồ thép hộp; nền nhà BT đá 1x2 M150 dày 150mm, láng vữa XM mác 75 dày 30mm;

b. Tại Trạm thực nghiệm lâm sinh Chiềng Bôm

b-1. Xây mới nhà chế biến và bảo quản hạt giống:

- Kiến trúc nhà 1 tầng, công trình cấp IV, diện tích xây dựng $S_{xd} = 100 \text{ m}^2$, kích thước mặt bằng 18m x 5,4m; chiều cao nhà 3,9m (tới đỉnh cột), 5,18m (tới đỉnh mái).

- Kết cấu: Móng đơn, cột, dầm, sàn, lanh tô dùng BTCT đá 1x2 M200. Mái lợp tôn lạnh dày 0.42mm; vì kèo, xà gồ và dầm trần thép hộp mạ kẽm các loại, trần tôn lạnh dày 0.42mm.

- Nền lát gạch Ceramic; tường bao, tường ngăn, tường thu hồi xây bằng gạch không nung, dày 220mm, bả vữa XM 75#; trong, ngoài lăn sơn màu; cửa sổ làm bằng khung sắt kính, cửa đi khung sắt bít tôn, sơn 01 nước chống rỉ, 02 nước sơn màu; cửa sổ có hoa sắt bảo vệ làm bằng thép vuông 14x14mm, sơn 01 nước chống rỉ, 02 nước sơn màu; cửa thông gió chân tường bằng chớp BTCT bên trong lưới chống chuột;

b-2. Sân phơi hạt giống: Diện tích 100 m²

Cấu tạo (từ trên xuống): Bê tông đá 2x4 mác 250 dày 18cm, vải xác rắn 01 lớp, cát hạt trung đầm chặt dày trung bình 7cm.

b-3 Cải tạo vườn ươm: Diện tích 600 m² có kích thước 30x20m

- Chôn cọc sắt và rào hàng rào thép B40 xung quanh; Làm khung sắt căng lưới; Xây luống gieo ươm bằng gạch.

c. Nội dung đầu tư phân thiết bị: Mua sắm một số trang thiết bị phục vụ nghiên cứu, sản xuất giống và một số trang thiết bị văn phòng.

10. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được áp dụng:

a) Số bước thiết kế : 02 bước, thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công.

b) Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu được áp dụng:

- Các quy chuẩn kỹ thuật: QCVN 03: 2012/BXD về nguyên tắc phân loại,

phân cấp công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị, QCVN 01: 2008/BCT về an toàn điện;

- Các tiêu chuẩn thiết kế xây dựng: TCVN 2737: 1995 Tải trọng và tác động, TCVN 9379: 2012 Kết cấu xây dựng và nền, TCVN 9362: 2012 Nền nhà và công trình, TCVN 5574: 2018 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép, TCVN 5573: 2011 Kết cấu gạch đá và gạch đá có cốt thép;

- Các quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn xây dựng khác có liên quan.

11. Tổng mức đầu tư:

a) Tổng mức đầu tư xây dựng DATP lập theo quy định tại Nghị định 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn; đơn giá xây dựng công trình do UBND tỉnh Sơn La công bố; giá vật tư, vật liệu, giá nhân công, giá ca máy và thiết bị thi công theo công bố giá quý II/2022 của tỉnh Sơn La và mặt bằng giá thị trường khu vực tại thời điểm trình tổng mức đầu tư.

b) Tổng mức đầu tư xây dựng được duyệt: 10.000.000.000 đồng

(Bằng chữ: Mười tỷ đồng)

- Chi phí xây dựng	: 7.554.903.000đ
+ Xây dựng cơ bản lâm sinh	: 2.820.000.000đ
+ Xây dựng cơ sở hạ tầng	: 4.734.903.000đ
- Chi phí thiết bị	: 781.000.000đ
- Chi phí quản lý dự án	: 272.001.000đ
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	: 452.881.000đ
- Chi phí khác	: 116.597.000đ
- Dự phòng	: 822.618.000đ

Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo.

12. Nguồn vốn: Vốn Ngân sách nhà nước; thuộc lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản được giao cho Bộ Nông nghiệp và PTNT tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025.

13. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Thuê tổ chức tư vấn quản lý dự án.

14. Thời gian thực hiện: 03 năm, từ năm 2023 đến năm 2025.

Điều 2. Phân giao nhiệm vụ:

1. Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam (Đơn vị được giao chuẩn bị dự án):

- Đầu mối, chủ trì tổng hợp trình Bộ điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án (nếu có) và tổng hợp báo cáo Bộ về tình hình thực hiện dự án, đảm bảo tính tổng

thể, đồng bộ toàn dự án.

- Chủ trì hoàn chỉnh hồ sơ, trình quyết toán các chi phí chuẩn bị dự án theo quy định.

- Cung cấp các hồ sơ tài liệu có liên quan ở giai đoạn chuẩn bị dự án cho Chủ đầu tư DATP có liên quan.

- Hoàn chỉnh hồ sơ báo cáo NCKT theo nội dung được duyệt tại Quyết định này và các ý kiến thẩm định nêu trong báo cáo kết quả thẩm định của Tổng cục Lâm nghiệp;

- Thực hiện lưu trữ hồ sơ giai đoạn chuẩn bị dự án và các nhiệm vụ theo quy định.

2. Trung tâm khoa học lâm nghiệp Tây Bắc (Chủ đầu tư DATP từ giai đoạn thực hiện đến kết thúc dự án):

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Bộ trưởng về việc quản lý và thực hiện nhiệm vụ Chủ đầu tư DATP theo quy định;

- Tổ chức quản lý và thực hiện DATP theo nội dung Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước, của địa phương về quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư, quản lý chất lượng công trình xây dựng, đảm bảo an toàn, đưa công trình vào khai thác sử dụng đúng mục đích, an toàn, có hiệu quả;

- Trình Bộ thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu DATP phù hợp với kế hoạch thực hiện và nguồn vốn được cấp; tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt và các quy định hiện hành;

- Tổ chức lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình, trình Bộ Nông nghiệp và PTNT thẩm định theo quy định trước khi phê duyệt; lưu ý các ý kiến thẩm định tại báo cáo thẩm định.

- Trình Bộ (qua Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường) thẩm định, phê duyệt tính năng, thông số kỹ thuật các thiết bị khoa học, công nghệ.

- Thực hiện các thủ tục pháp lý có liên quan đến thanh lý tài sản theo quy định (sau khi có quyết định phê duyệt dự án đầu tư).

- Làm việc với các cơ quan có thẩm quyền về quản lý xây dựng, phòng cháy chữa cháy, cấp điện, cấp, thoát nước và vệ sinh môi trường ... tại địa phương về các thủ tục có liên quan theo quy định (nếu cần).

- Chủ trì lập hồ sơ, trình quyết toán kinh phí hạng mục hoặc DATP giai đoạn thực hiện dự án và kết thúc xây dựng theo quy định.

3. Các vụ: Kế hoạch; Tài chính; Khoa học, công nghệ và Môi trường; Cục Quản lý Xây dựng Công trình; Tổng cục Lâm nghiệp và các đơn vị liên quan thực hiện theo phân công tại Quyết định số 3552/QĐ-BNN-KH ngày 12/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính, Khoa học Công nghệ và Môi trường, Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình, Giám đốc Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam, Giám đốc Trung tâm Khoa học Lâm nghiệp Tây Bắc và các Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TTr. Nguyễn Quốc Trị;
- Các Bộ: KHĐT, TC;
- Kho bạc NN (TU và ĐP);
- Lưu: VT, TCLN (10b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Hiệp

Phụ lục I.
CHI TIẾT TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
Dự án thành phần: “Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ phát triển giống
trồng rừng tại các tỉnh vùng Tây Bắc” thuộc Dự án “Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ
tầng phục vụ phát triển giống cây lâm nghiệp”
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-TCLN, ngày tháng năm 2023
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Hạng mục đầu tư	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ				10.000.000
I	Xây dựng				7.554.903
1	Xây dựng cơ bản Lâm sinh				2.820.000
1,1	Trồng mới rừng giống hữu tính	Ha	24		2.244.000
a	Thông mã vĩ	Ha	5	93.500	467.500
b	Tô hợp Điện Biên	Ha	6	93.500	561.000
c	Giổi xanh	Ha	2	93.500	187.000
d	Giổi găng	Ha	5	93.500	467.500
e	Lát hoa	Ha	4	93.500	374.000
g	Cà ôi lá đỏ	Ha	2	93.500	187.000
1,2	Trồng mới vườn giống hữu tính	Ha	6		576.000
a	Thông mã vĩ	Ha	3	96.000	288.000
b	Tô hợp Điện Biên	Ha	3	96.000	288.000
2	Xây dựng cơ sở hạ tầng				4.734.903
2.1	Trụ sở chính của Trung tâm				
a	Sửa chữa, cải tạo nhà nghiên cứu	m ²	304		2.602.976
b	Cải tạo vườn ươm tại văn phòng Trung tâm	m ²	710		355.237
c	Nâng cấp cải tạo sân đường	m ²	966		500.388
d	Nâng cấp cải tạo nhà để xe	m ²	119		366.816
2.2	Trạm thực nghiệm lâm sinh Chiềng Bôm				
a	Xây dựng nhà chế biến và bảo quản hạt giống	m ²	100		714.995
b	Sân phơi hạt giống	m ²	100		44.491
c	Cải tạo vườn ươm	m ²	600		150.000
II	Chi phí thiết bị				781.000

TT	Hạng mục đầu tư	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
III	Chi phí quản lý dự án		8335.903	3,263%	272.001
1	Giai đoạn chuẩn bị dự án		54.689	3,000%	1.641
2	Giai đoạn thực hiện và kết thúc xây dựng đưa dự án vào khai thác sử dụng				270.360
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng				452.881
IV.1	Giai đoạn chuẩn bị dự án				54.689
1	Lập nhiệm vụ, dự toán CBĐT				5.276
2	Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi				41.713
3	Chi phí lập HSMT và phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu tư vấn				322
4	Thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi				7.378
IV.2	Giai đoạn thực hiện và kết thúc xây dựng đưa dự án vào khai thác sử dụng				398.192
1	Chi phí thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng	XDtt	4.304.457	3,1300%	148.202
2	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC	XDtt	4.304.457	0,1890%	8.949
3	Chi phí thẩm tra dự toán xây dựng	XDtt	4.304.457	0,183%	8.665
4	Lập HSMT, báo cáo đánh giá HSDT gói thầu dịch vụ tư vấn bước thực hiện đầu tư		148.202	0,816%	1.209
5	Lập HSMT, đánh giá HSDT xây dựng	XDtt	4.304.457	0,361%	17.090
6	Lập HSMT, đánh giá HSDT thiết bị	TBtt	710.000	0,281%	2.190
7	Giám sát thi công xây dựng công trình			2,598%	
	- Phần lâm sinh	XDtt	2.563.636	2,598%	73.264
	- Phần XDCS hạ tầng	XDtt	4.304.457	2,598%	123.013
8	Giám sát thi công xây dựng thiết bị	TBtt	710.000	0,718%	5.610
9	Thẩm định giá thiết bị (tạm tính)				10.000
V	Chi phí khác				116.597
1	Phí thẩm định Báo cáo NCKT	TMĐT	10.000.000	0,019%	2.850
2	Phí thẩm định thiết kế bản vẽ thi công	XDtt	4.304.457	0,024%	1.136
3	Phí thẩm định dự toán xây dựng.	-	4.304.457	0,023%	1.080
4	Chi phí thẩm định HSMT, kết quả LCNT	XDtt+TBTT	5.014.457	0,100%	5.516
5	Chi phí bảo hiểm công trình	XDtt	4.304.457	0,080%	3.788

TT	Hạng mục đầu tư	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
6	Kiểm tra công tác nghiệm thu				20.000
7	Chi phí kiểm toán	%	10.000.000	0,645%	64.500
8	Phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	%	10.000.000	0,195%	17.727
VI	Chi phí dự phòng				822.618
1	Dự phòng cho khối lượng, công việc phát sinh	%	6.357.382	10,0%	635.738
2	Dự phòng cho yếu tố trượt giá	%	6.357.382	3%	186.879

Phụ lục II.
CHI TIẾT DANH MỤC THIẾT BỊ
Dự án thành phần: “Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ phát triển giống
trồng rừng tại các tỉnh vùng Tây Bắc” thuộc Dự án “Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ
tầng phục vụ phát triển giống cây lâm nghiệp”
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-TCLN, ngày tháng năm 2023
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	SL	Đơn giá	Thành tiền
1	Máy tính xách tay	Cái	3	30.000	90.000
2	Máy in 2 mặt	Cái	2	10.500	21.000
3	Máy chiếu projector	Cái	2	15.000	30.000
4	Tủ lạnh bảo quản hạt giống	Cái	2	45.000	90.000
5	Máy định vị GPS	Cái	6	16.400	98.400
6	Điều hòa 12.000 BTU	Cái	10	18.000	180.000
7	Bàn làm việc	Bộ	10	4.500	45.000
8	Ghế ngồi làm việc	Cái	24	800	19.200
9	Tủ tài liệu	Cái	10	4.500	45.000
10	Quạt cây	Cái	14	1.600	22.400
11	Máy photo Ricoh	Cái	1	60.000	60.000
12	Máy đo diện tích	Cái	1	55.000	55.000
13	Máy scan	Cái	1	25.000	25.000
	Tổng cộng				781.000